

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ ĐỂ THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

✍ TS. Phan Tiến Trung
Trường Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng

● **TÓM TẮT:** Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, mới đây Quốc hội đã ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo mới (Luật số 93/2025/QH15). Mặc dù vậy, như các ý kiến nhận định tại Hội thảo “Đối thoại với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hiệp hội, doanh nghiệp nhằm hoàn thiện pháp luật thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” do Bộ Tư pháp tổ chức sáng 12/6/2025, cho đến nay, việc xây dựng, ban hành thể chế, chính sách vẫn còn những hạn chế, thách thức như: chất lượng sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều thách thức trong việc bảo đảm tháo gỡ hoàn toàn rào cản thể chế; sự phối hợp giữa các Bộ, cơ quan trong xây dựng luật còn chưa hiệu quả; số lượng văn bản, chính sách cần hoàn thiện còn lớn; các luật liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có nguy cơ thiếu liên thông, tương thích với Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu thầu, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân,... Cho nên, vấn đề hoàn thiện pháp luật về khoa học, công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia vẫn đang là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

● **Từ khóa:** Khoa học và công nghệ; hoàn thiện pháp luật; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số.

● **ABSTRACT:** The development of science, technology, innovation, and digital transformation is becoming a decisive factor in the progress of nations; it is a prerequisite and the best opportunity for our country to grow prosperous and strong in the new era - an era marking the rise of the Vietnamese nation. Recognizing this profound importance, the National Assembly recently promulgated the new Law on Science, Technology and Innovation (Law No. 93/2025/QH15). However, as noted at the seminar titled “Dialogue with Ministries, Ministerial-Level Agencies, Provincial People’s Committees, Associations and Enterprises on Completing the Legal Framework to Promote the Development of Science, Technology, Innovation and National Digital Transformation” organized by the Ministry of Justice on the morning of June 12, 2025, the formulation and promulgation of legal institutions and policies still face various limitations and challenges. These include:

difficulties in ensuring that amendments and supplements to legal documents completely remove institutional barriers; ineffective coordination among ministries and agencies during the law-making process; a large number of documents and policies requiring further improvement; and the risk that laws related to science, technology, innovation, and digital transformation may lack coherence and compatibility with the Law on State Budget, the Law on Procurement, the Corporate Income Tax Law, the Personal Income Tax Law, and others. Therefore, improving the legal framework on science and technology to promote innovation and national digital transformation remains an urgent requirement today.

● **Keywords:** Science and technology; improvement of legislation; promotion of innovation; digital transformation.

Ngày nhận bài: 26/9/2025 - Ngày bình duyệt: 05/11/2025 - Ngày duyệt đăng: 25/11/2025

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) quốc gia đã xác định phải hoàn thiện thể chế để phát triển KHCN và đưa thể chế phát triển khoa học, công nghệ thành yếu tố quyết định phát triển của quốc gia; đồng thời Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã khẳng định pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá”.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA PHÁP LUẬT KHCN TRONG BỐI CẢNH ĐMST VÀ CDS

Trong kỷ nguyên kinh tế số và đổi mới sáng tạo, KH&CN trở thành động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, để các hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ diễn ra hiệu quả, đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật KH&CN hoàn thiện, đồng bộ và phù hợp với những biến đổi nhanh chóng của thời đại. Pháp luật ấy không chỉ đóng vai trò điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực này, mà còn tạo hành lang pháp lý bảo đảm cho môi trường ĐMST và CDS phát triển lành mạnh.

Khoa học công nghệ, ĐMST và CDS được xác định là ba trụ cột mà Việt Nam đưa vào đường lối phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”, khẳng định thể chế là “điều kiện tiên quyết”. Nghị quyết đề ra mục tiêu đến 2030 với nhiều chỉ tiêu về tỉ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, kinh phí R&D, hạ tầng công nghệ,... và tầm nhìn đến 2045 trở thành nước thu nhập cao, đổi mới sáng tạo dẫn đầu. Trong quá trình đó, Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, nhưng người dân, doanh nghiệp, nhà khoa học là chủ thể chính. Và, Pháp luật KH&CN có tầm quan trọng to lớn trong bối cảnh thực hiện ĐMST và CDS. Cụ thể:

Trước hết, Pháp luật KH&CN bảo đảm môi trường pháp lý cho hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh công nghệ thay đổi từng ngày, các hoạt động nghiên cứu khoa học và ĐMST cần được bảo vệ và khuyến khích. Pháp luật KH&CN xác định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu; quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học, đánh giá kết quả, bảo hộ sở hữu trí tuệ và ứng dụng kết quả vào thực tiễn. Nhờ đó, các chủ thể có thể yên tâm đầu tư trí tuệ, công sức và tài chính vào nghiên cứu mà không lo bị xâm phạm quyền lợi. Bên cạnh đó, pháp luật còn tạo cơ chế hỗ trợ như miễn giảm

thuế, quỹ phát triển khoa học, chính sách đặt hàng nghiên cứu... nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong cả khu vực công lẫn tư.

Thứ hai, pháp luật KH&CN thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Chuyển đổi số đòi hỏi sự kết hợp của nhiều yếu tố: dữ liệu, hạ tầng công nghệ, an toàn thông tin, các nền tảng số và hành lang pháp lý tương ứng. Pháp luật KH&CN có vai trò định hướng các hoạt động này theo chuẩn mực rõ ràng, bao gồm: Quy định về chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu; Tiêu chuẩn về an ninh mạng, an toàn thông tin; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số, startup đổi mới sáng tạo; Cơ chế pháp lý cho các mô hình kinh tế số như thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo, IoT... Nhờ có khung pháp lý phù hợp, CDS mới có thể diễn ra đồng bộ, hạn chế rủi ro và tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp khi tham gia môi trường số.

Tiếp đến, Pháp luật KH&CN có vai trò bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ – nền tảng của sáng tạo. Trong nền kinh tế tri thức, tài sản trí tuệ như sáng chế, phần mềm, thiết kế vi mạch hay nhãn hiệu là giá trị cốt lõi. Pháp luật KH&CN gắn liền với pháp luật sở hữu trí tuệ sẽ bảo đảm: Ngăn chặn hành vi sao chép, xâm phạm bản quyền; Khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới; Tạo cơ sở pháp lý cho chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sáng chế. Khi quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ nghiêm minh, các hoạt động đổi mới sáng tạo sẽ diễn ra mạnh mẽ và bền vững hơn.

Thứ tư, Pháp luật KH&CN đảm bảo an ninh – an toàn trong ứng dụng công nghệ. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tự động hóa hay công nghệ sinh học đặt ra nhiều thách thức về đạo đức, quyền riêng tư và an ninh quốc gia. Pháp luật KH&CN giúp kiểm soát những rủi ro này thông qua các tiêu chí cụ thể, bao gồm: Quy định về kiểm soát công nghệ nhạy cảm; Tiêu chuẩn an toàn trong nghiên cứu lĩnh vực công

nghệ cao; Bảo vệ dữ liệu cá nhân và thông tin quan trọng; Quy định trách nhiệm pháp lý khi xảy ra sự cố công nghệ. Nhờ đó, xã hội có thể khai thác lợi ích của công nghệ mà vẫn bảo đảm an toàn cho con người và cộng đồng.

Cuối cùng, Pháp luật KH&CN góp phần vào sự hài hòa phát triển với hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, pháp luật KH&CN giúp đất nước hòa nhập với chuẩn mực quốc tế, thông qua các tiêu chí cụ thể như: Tham gia các hiệp định quốc tế về sở hữu trí tuệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, chất lượng sản phẩm công nghệ; Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, hợp tác nghiên cứu với các tổ chức nước ngoài... Nhờ vậy, nước ta có điều kiện tiếp cận tri thức mới, công nghệ tiên tiến và phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

Như vậy, pháp luật Khoa học và Công nghệ là công cụ bảo đảm môi trường minh bạch, an toàn và khuyến khích sáng tạo; là nền tảng thúc đẩy kinh tế số, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và định hướng ứng dụng công nghệ theo hướng bền vững. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật KH&CN không chỉ là yêu cầu tất yếu, mà còn là chìa khóa để Việt Nam bắt kịp tốc độ phát triển của thế giới và trở thành quốc gia có năng lực đổi mới sáng tạo cao trong tương lai.

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT KH&CN TẠI VIỆT NAM

Hệ thống pháp luật KH&CN của Việt Nam hiện nay có các điểm mạnh cần tiếp tục khai thác và phát huy, nhưng cũng còn một số hạn chế cần khắc phục. Cụ thể:

1. Những điểm thuận lợi:

1.1. Khung pháp lý đã được đổi mới: Quốc hội đã ban hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo mới. Luật này mở rộng phạm vi điều chỉnh, bao gồm hoạt động KHCN lẫn đổi mới sáng tạo; tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động KHCN phát triển mạnh mẽ hơn.

1.2. Cam kết từ cấp cao nhất về thể chế: Nghị quyết 57-NQ/TW nhấn mạnh hoàn thiện thể chế, loại bỏ tư duy “không quan được thì cấm”. Việc sửa đổi các quy định liên quan ngân sách, sở hữu trí tuệ, tự chủ nghiên cứu,... được đề cập rõ ràng.

1.3. Cơ chế đầu tư ưu tiên: Đầu tư vào hạ tầng số, công nghệ chiến lược như AI, IoT, dữ liệu lớn,... được xác định là ưu tiên. Kinh phí R&D mục tiêu tăng lên, như Nghị quyết 57 đề ra R&D đạt khoảng 2% GDP.

1.4. Tự chủ nhiều hơn cho tổ chức nghiên cứu: Có định hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức nghiên cứu về tài chính, nhân lực, chuyên môn.

1.5. Tăng cường hợp tác quốc tế: Nghị quyết 57 cũng đề cao hợp tác quốc tế trong KHCN, ĐMST và CDS.

2. Những thách thức, tồn tại:

Mặc dù khung pháp lý đang được cải thiện, nhưng vẫn còn những điểm nghẽn; đó là:

2.1. Thực thi & đồng bộ pháp lý: Rào cản nằm ở việc nhiều luật, nghị định hiện hành chưa đồng bộ: Luật KHCN, luật đầu tư, luật thuế, mua sắm công, sở hữu trí tuệ cần liên kết chặt chẽ hơn. Nghị quyết 57 cũng nhấn mạnh cần sửa đổi đồng bộ các quy định pháp luật. Việc rà soát, sửa đổi các quy định liên quan còn chậm; một số cơ quan, địa phương chưa xây dựng kịp chương trình hành động chi tiết. Ví dụ, trong hội nghị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, còn lo ngại về thủ tục, tài chính; cơ chế theo dõi, báo cáo định kỳ chưa hoàn thiện.

2.2. Nguồn lực tài chính và quản lý đầu tư: Dù mục tiêu R&D cao, nhưng việc phân bổ ngân sách còn dàn trải, “không trọng điểm” vẫn là vấn đề. Theo Nghị quyết 57, cần cơ chế quỹ, ưu tiên trọng điểm. Các quỹ khoa học công nghệ, quỹ đổi mới sáng tạo vẫn chưa phát huy hết vai trò, hoặc cơ chế minh bạch, hiệu quả cần được nâng cao.

2.3. Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ: Luật mới khó có thể giải quyết ngay toàn bộ vấn đề về bảo vệ sáng chế, quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt đối với công nghệ cao, công nghệ số. Chuyển giao công nghệ từ viện/trường sang doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), vẫn gặp khó khăn do chi phí, rủi ro, quy trình pháp lý phức tạp.

2.4. Tự chủ tổ chức nghiên cứu: Dù có cơ chế tự chủ, nhưng nhiều viện/trường khoa học công nghệ chưa đủ năng lực để thực sự tự chủ (quản lý tài chính, nhân lực, chiến lược nghiên cứu). Mô hình quản lý nhà nước vẫn giữ nhiều cấp trung gian, việc ra quyết định cho các đề án, dự án khoa học đôi khi vẫn quan liêu, chồng chéo.

2.5. Nhân lực chất lượng cao: Thiếu rõ ràng cơ chế “nhân tài”: Nghị quyết 57 nói về cơ chế đặc biệt, nhưng cần luật hóa chi tiết hơn về ưu đãi, bảo vệ, phát triển nhân lực khoa học công nghệ. Việc đào tạo nghiên cứu/trí thức cao còn hạn chế, cơ chế thu hút chuyên gia nước ngoài, giáo sư đầu ngành cần được tăng cường.

2.6. Quản trị dữ liệu & an ninh: Dữ liệu được xem là “tư liệu sản xuất”, nhưng pháp luật về quản lý dữ liệu (sử dụng, chia sẻ, bảo mật, an toàn) lại chưa hoàn thiện đầy đủ. Mặt khác, vấn đề an ninh dữ liệu, quyền riêng tư khi triển khai công nghệ số vẫn là rào cản lớn nếu khung pháp lý không đồng bộ, thiếu quy định rõ ràng.

2.7. Thí điểm và chấp nhận rủi ro: Một trong những điểm mấu chốt của đổi mới sáng tạo là khả năng thử nghiệm các công nghệ mới. Tuy nhiên, nếu pháp luật không cho phép cơ chế thí điểm dễ tiếp cận, doanh nghiệp hoặc tổ chức nghiên cứu sẽ rất khó để thực hiện các thử nghiệm đổi mới do rủi ro pháp lý cao.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Dựa trên những thách thức phân tích ở trên, dưới đây là các giải pháp pháp lý để

hoàn thiện hệ thống pháp luật KHCN, thúc đẩy ĐMST và CDS.

1. *Tác động của chuyển đổi số tới phát triển khoa học – công nghệ:*

1.1. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học: Dữ liệu lớn và năng lực tính toán mạnh giúp mô phỏng, thử nghiệm số thay cho thử nghiệm truyền thống (ví dụ: mô phỏng vật lý, hóa học, sinh học); AI hỗ trợ phát hiện mẫu, dự đoán, thiết kế thí nghiệm. Từ đó, nghiên cứu khoa học trở nên nhanh hơn, chính xác hơn, chi phí thấp hơn.

1.2. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo công nghệ: Tạo ra các ngành công nghệ mới: AI, robot tự hành, công nghệ sinh học số, công nghệ sạch, metaverse... Các mô hình kinh doanh công nghệ số phát triển mạnh (SaaS, fintech, edtech, medtech).

1.3. Tăng cường hợp tác khoa học toàn cầu: Nền tảng số cho phép các nhóm nghiên cứu từ nhiều quốc gia làm việc theo thời gian thực. Open Science, kho dữ liệu mở, tạp chí điện tử tăng khả năng chia sẻ tri thức.

1.4. Tăng năng suất và hiệu quả trong hoạt động R&D: Tự động hóa quy trình nghiên cứu, phân tích và quản lý dữ liệu khoa học. Công cụ AI tạo mô hình, phân tích tài liệu khoa học thay cho việc đọc thủ công.

1.5. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao: Nhu cầu lớn về kỹ sư dữ liệu, chuyên gia AI, an ninh mạng, lập trình IoT... Giáo dục số giúp đào tạo nhanh và rộng hơn.

1.6. Tạo ra hệ sinh thái đổi mới nhanh và mở: Các startup công nghệ có điều kiện phát triển nhờ chi phí hạ tầng thấp (cloud), khả năng tiếp cận thị trường qua môi trường số dễ dàng. Nhà nước số - xã hội số thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong mọi lĩnh vực.

Thời kỳ chuyển đổi số đặc trưng bởi dữ liệu - công nghệ - kết nối - tự động hóa, và nó tác động mạnh mẽ tới sự phát triển

khoa học công nghệ bằng cách: Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hình thành ngành nghề mới, tăng cường hợp tác và chia sẻ tri thức toàn cầu... Đây là động lực trọng yếu cho phát triển kinh tế tri thức và xã hội hiện đại.

2. *Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp lý:*

2.1. Rà soát và sửa đổi đồng bộ hệ thống pháp luật liên quan: Thành lập ủy ban liên ngành cao cấp (theo Nghị quyết 57) để rà soát, kiến nghị sửa đổi luật KHCN, luật đầu tư, luật ngân sách, thuế, sở hữu trí tuệ, mua sắm công,... đảm bảo đồng bộ, loại bỏ rào cản. Ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật KHCN mới một cách kịp thời, minh bạch, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho cả nhà nước và doanh nghiệp. Thiết lập “cơ chế thí điểm pháp lý” (regulatory sandbox) để cho phép thử nghiệm công nghệ mới (AI, blockchain, IoT, dữ liệu lớn) trong môi trường có kiểm soát, giảm rủi ro cho doanh nghiệp đổi mới.

2.2. Cơ chế tự chủ cho tổ chức khoa học: Luật hóa quyền tự chủ cao hơn cho các viện nghiên cứu, trường đại học công nghệ trong việc quyết định đề án, tuyển nhân sự, phân bổ vốn. Áp dụng cơ chế “giao nhiệm vụ + đánh giá kết quả” gắn với tài chính theo hiệu quả: các tổ chức làm tốt sẽ được tiếp tục đầu tư, tổ chức kém hiệu quả sẽ bị kiểm soát chặt chẽ hoặc tái cơ cấu.

2.3. Cơ chế quỹ đổi mới sáng tạo: Thiết lập/quy củ hóa các quỹ đổi mới sáng tạo, quỹ khoa học công nghệ: cơ chế quản lý minh bạch, giám sát độc lập, đánh giá hiệu quả đầu tư. Khuyến khích sự tham gia của tư nhân (venture capital, quỹ đầu tư mạo hiểm) vào quỹ đổi mới sáng tạo, sử dụng nguồn lực tư nhân để hỗ trợ các startup công nghệ.

2.4. Chính sách sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ: Cải cách luật Sở hữu trí tuệ để rút ngắn thời gian xét duyệt sáng chế, giảm chi phí đăng ký, đặc biệt cho các doanh nghiệp nhỏ và tổ chức nghiên cứu. Hỗ trợ

cơ chế chuyển giao công nghệ: quy định ưu đãi thuế, tài trợ nhà nước cho các doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ từ viện/trường, đặc biệt các SME. Thành lập hệ thống “vườn ươm công nghệ” (tech incubator) do nhà nước và tư nhân phối hợp, nơi các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp cùng phát triển sản phẩm nghiên cứu và thử nghiệm thị trường.

2.5. Chính sách nhân lực khoa học công nghệ: Luật hóa cơ chế thu hút, ưu đãi nhân tài: học bổng, lương, bảo vệ trí tuệ, cơ hội hợp tác quốc tế. Hỗ trợ các chương trình đào tạo hướng nghiên cứu: liên kết viện – đại học – doanh nghiệp để phát triển mạng lưới nhân lực chất lượng cao. Thiết lập khung pháp lý cho chuyên gia nước ngoài làm việc, nghiên cứu tại Việt Nam: visa khoa học, ưu đãi thuế, quyền sử dụng cơ sở vật chất nghiên cứu.

2.6. Quản lý dữ liệu và an ninh số: Xây dựng khung pháp lý cho kinh tế dữ liệu: luật quy định việc thu thập, chia sẻ, quản lý, sử dụng dữ liệu số (của nhà nước, doanh nghiệp, công dân). Ban hành tiêu chuẩn an toàn, bảo mật dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư. Thiết lập cơ chế giám sát và xử lý vi

phạm dữ liệu. Thúc đẩy việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung, nền tảng dữ liệu mở kết hợp an ninh: bảo mật nhưng dễ truy cập, hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.

2.7. Tăng cường quản trị nhà nước và giám sát pháp lý: Cải cách bộ máy quản lý KHCN: tái cấu trúc các cơ quan quản lý, thành lập Ban chỉ đạo chuyên trách KHCN, ĐMST, CDS cấp quốc gia (như trong quyết định thực hiện Nghị quyết 57). Xây dựng hệ thống đánh giá, báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện Nghị quyết 57 (có KPIs cụ thể, minh bạch) để giám sát việc thực thi pháp luật. Tăng cường vai trò của xã hội (doanh nghiệp, nhà khoa học, người dân) trong việc phản biện chính sách, soạn thảo luật (cơ chế tham vấn cộng đồng, hội đồng tư vấn khoa học).

Việc hoàn thiện pháp luật khoa học – công nghệ là nhân tố quyết định để hiện thực hóa mục tiêu đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nếu thực hiện tốt, Việt Nam có thể không chỉ đạt được mục tiêu Nghị quyết 57 đến 2030 mà còn củng cố vị thế trong kỷ nguyên số, trở thành điểm sáng đổi mới sáng tạo trong khu vực./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Khoa học và Công nghệ (2025) - *Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Cơ hội đột phá phát triển.*
2. Thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng hành lang pháp lý hiện đại (Nhân dân 06/6/2025)
3. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, thúc đẩy phát

triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (Nhân dân 12/6/2025)

4. Kế hoạch và Đầu tư (2025). *Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hợp tác quốc tế.*
5. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiện thực hóa nền tảng tư tưởng của Đảng (Nhân dân - 30/5/2025)